

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 279/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15 – 12 – 2021
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Trường Huân;
2. Bà Nguyễn Thị Lợi.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Chau San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 192/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 521A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 11, ấp AH, thị trấn AP, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 10, ấp AH, thị trấn AP, huyện AP, tỉnh An Giang.

Người làm chứng: Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 13, ấp AH, thị trấn AP, huyện AP, tỉnh An Giang

Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ cùng có mặt; bà Trần Thị Mỹ H có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của ông Trần Văn L; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn L và bà Trần Thị Ngọc Đ tự tìm hiểu, được sự đồng ý của gia đình nên tiến đến hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn AP, huyện AP (theo Bản sao Trích lục kết hôn số 1002/TLKH-BS ngày 07/12/2021).

Quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 8/2020 (âm lịch) thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, cả hai thường xuyên xảy ra cự cãi vì những chuyện nhỏ trong gia đình, bà Đ nghi ngờ ông L có quan hệ tình cảm bên ngoài, lấy tiền trong gia đình từ đó mà các bên có những lời lẽ xúc phạm nhau dẫn đến cả hai sống ly thân. Ông L đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang để yêu cầu ly hôn với bà Đ nhưng được sự hòa giải, động viên của Tòa án nên ông L tự nguyện rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện An Phú ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021 để tạo điều kiện cho ông L và bà Đ hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, sau đó hai người không thể hàn gắn tình cảm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ông L tiếp tục sống ly thân với bà Đ cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông L yêu cầu được ly hôn với bà Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nguyễn L1, sinh ngày 16/5/2002. Con chung hiện nay đang sống cùng bà Đ. Ông L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết do con chung hiện nay đã trưởng thành, không mất khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông L khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Đ thống nhất với ông L về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân, khoảng thời gian phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, bà Đ cho rằng nguyên nhân là do ông L có quan hệ tình cảm bên ngoài nên mới tìm cách ly hôn và sống ly thân với bà Đ. Vụ việc đã được Tòa án nhân dân huyện An Phú hòa giải, hàn gắn tình cảm và ông L đã rút lại yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, ông L vẫn tiếp tục sống ly thân với bà Đ mặc dù bà Đ đã nhiều lần động viên ông L trở về nhà. Do tình cảm vợ chồng vẫn còn nên bà Đ không đồng ý ly hôn với ông L.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Trần Nguyễn Luân, sinh ngày 16/5/2002. Con chung hiện nay đang sống cùng bà Điện. Bà Điện không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết do con chung hiện nay đã trưởng thành, không mất khả năng lao động.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do ông Trần Văn L giao nộp: Bản chính Bản tự khai ngày 17/5/2021; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Trần Văn L; bản sao Căn cước công dân mang tên Trần Văn L; bản chính Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021; bản sao Giấy khai sinh mang tên Trần Nguyễn L; bản sao Giấy chứng nhận kết hôn và Trích lục kết hôn số 1002/TLKH-BS ngày 07/12/2021; bản chính Tờ

trường trình ngày 31/12/2020 và ngày 25/9/2021; bản chính Đơn yêu cầu giải quyết ly hôn ngày 11/10/2021.

Các tài liệu, chứng cứ do bà Nguyễn Thị Ngọc Đ giao nộp: Không.

Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Trần Thị Mỹ H ngày 24/9/2021.

Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 24/9/2021, bà Trần Thị Mỹ H cho biết: Bà H là cháu ruột của ông Trần Văn L. Kể từ khi ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ phát sinh mâu thuẫn gia đình và sống ly thân nhau từ tháng 08/2020 cho đến nay thì ông L sống nhờ tại nhà bà H, vì vậy mà bà H biết rõ mâu thuẫn giữa ông L và bà Đ. Kể từ khi ông L và bà Đ phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau, bà Đ không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông L. Mặc dù đang trong quá trình ly thân, nhưng bà Đ không tìm cách động viên, hàn gắn tình cảm mà còn nhiều lần chửi mắng, vu khống, xúc phạm danh dự nhân phẩm của ông L. Bà Đ nhiều lần đến nhà bà H chửi bới, cho rằng bà H chứa chấp ông L để ôm ấp hoặc có mục đích khác không trong sáng, mặc dù ông L là cháu ruột của bà H. Trong cuộc sống, bà Đ là người thường xuyên có lời lẽ thiếu chuẩn mực, bịa đặt, nói xấu người khác.

Về con chung: Cả hai chung sống có 01 (một) con chung tên: Trần Nguyễn L1, sinh năm 2002, đã trưởng thành và hiện sống cùng bà Đ. Con chung khỏe mạnh và không bị mất khả năng lao động. Tài sản chung, nợ chung: Không rõ.

Bà H có yêu cầu được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do bận đi làm.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự không có ý kiến đối với các tài liệu, chứng cứ đã công bố. Ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà Đ, bà Đ không đồng ý ly hôn nên hòa giải không thành.

Tại phiên tòa,

- Ông Trần Văn L cho rằng, cả hai sống ly thân đã lâu, không thể hàn gắn tình cảm mặc dù trước đó đã được Tòa án động viên, hòa giải và bản thân ông L đã tự nguyện rút lại yêu cầu khởi kiện để cho bà Đ cơ hội sửa đổi bản thân. Bởi lẽ, bà Đ không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, không những không hàn gắn tình cảm mà còn nhiều lần có lời lẽ xúc phạm danh dự, nhân phẩm ông L giữa nơi đông người. Bà Đ còn đến nhà cháu ruột của ông L là bà Trần Thị Mỹ H chửi rủa, có lời lẽ xúc phạm vô căn cứ đối với bà H chỉ vì ông Đ sinh sống tại nhà bà H. Do đó, ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với bà Đ do tình cảm vợ chồng không còn; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ cho rằng, mặc dù cả 02 sống ly thân đã lâu và không hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn gia đình vẫn còn tồn tại, bà Đ và ông L vẫn có lời qua tiếng lại, cuộc sống chung không hạnh phúc nhưng bà Đ

vẫn không đồng ý ly hôn với lý do vẫn còn tình cảm với ông L. Đồng thời, bà Đ không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vấn đề con chung, tài sản chung và nợ chung

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Theo trình bày của ông Trần Văn L, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định hôn nhân giữa ông L và bà Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L. Về con chung, tài sản chung và nợ chung, do ông L và bà Đ không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Người làm chứng bà Trần Thị Mỹ H có yêu cầu xét xử vắng mặt và việc vắng mặt của bà Trần Thị Mỹ H không gây ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H là phù hợp với quy định tại Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Hôn nhân giữa ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ hình thành do tự tìm hiểu, tiến đến hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn AP, huyện AP, tỉnh An Giang (theo bản sao Trích lục kết hôn số 1002/TLKH-BS ngày 07/12/2021). Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Ấp AH, thị trấn AP, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ cùng xác nhận: Giữa cả hai phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau từ tháng 8/2020 (âm lịch) cho đến nay, ông L từng khởi kiện yêu cầu được ly hôn bà Đ tại Tòa án và được sự hòa giải, động viên của Tòa án nên ông L tự nguyện rút đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân

huyện An Phú ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2021. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, ông L và bà Đ vẫn tiếp tục sống ly thân, không hàn gắn tình cảm và mâu thuẫn vẫn còn tồn tại mà không được giải quyết.

Nam nữ khi tiến đến hôn nhân đều hướng đến mục đích là xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững nhưng giữa ông L và bà Đ lại tồn tại những mâu thuẫn không thể hàn gắn dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Việc cả hai tiếp tục sống ly thân, không có sự hóa giải mâu thuẫn, không hàn gắn tình cảm vợ chồng, tiếp tục có lời qua tiếng lại dù trước đó đã được Tòa án động viên, hòa giải đã cho thấy sự vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Bà Đ mặc dù cho rằng vẫn còn tình cảm với ông L nhưng bản thân bà Đ cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng vẫn còn và hiện vẫn đang sống ly thân, bà Đ cũng không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những phân tích nêu trên, có thể nhận thấy mâu thuẫn giữa ông L và bà Đ đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông L.

[3.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ sinh được 01 (một) con chung tên: Trần Nguyễn L1, sinh ngày 16/5/2002. Con chung hiện nay đang sống cùng bà Đ. Ông L và bà Đ thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết do con chung hiện nay đã trưởng thành, không mất khả năng lao động. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Ông Trần Văn L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Ngọc Đ không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ngọc Đ.

2. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Ông Trần Văn L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà ông L đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0007148 ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 179 ngày 19 tháng 12 năm 2002 (theo bản sao Trích lục kết hôn số 1002/TLKH-BS ngày 07 tháng 12 năm 2021) của Ủy ban nhân dân thị trấn AP, huyện AP, tỉnh An Giang cấp cho ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị Ngọc Đ không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND thị trấn AP (1);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Tuấn